

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 334/2019/DS-PT

Ngày: 16-11-2019

V/v tranh chấp quyền
sử dụng đất.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Hồng.

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Ngọc Hương.

Bà Hồ Thị Thanh Thúy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Thủy Tiên - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Phương Kha - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 280/2019/TLPT-DS ngày 26 tháng 9 năm 2019 về tranh chấp quyền sử dụng đất.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 42/2019/DS-ST ngày 26 tháng 7 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện M bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 250/2019/QĐPT-DS ngày 09 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1951;

Địa chỉ: ấp V, xã A, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện hợp pháp của bà V: Ông Võ Văn A, sinh năm: 1960 là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 28/10/2019). *(có mặt)*

Địa chỉ: 143A1, Khu phố 1, phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

- Bị đơn:

1. Bà Nguyễn Thị O, sinh năm: 1940;

Người đại diện hợp pháp của bà O: Bà Võ Thị L, sinh năm: 1965 và ông Nguyễn Ngọc T, sinh năm: 1964 là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 18/10/2019). *(có mặt)*

2. Ông Nguyễn Ngọc T, sinh năm: 1964; *(có mặt)*

3. Bà Võ Thị L, sinh năm: 1965; *(có mặt)*

Cùng địa chỉ: ấp V, xã A, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Bà Trịnh Thị Thanh B – Luật sư thuộc Hội Luật gia tỉnh Bến Tre. *(có mặt)*

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Trần Thị T1, sinh năm: 1972; *(có mặt)*

2. Bà Trần Thị Thúy A, sinh năm: 1992;

3. Ông Nguyễn Minh K, sinh năm: 1996;

4. Ông Nguyễn Minh H, sinh năm: 1987;

Cùng địa chỉ: ấp V, xã A, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện hợp pháp của bà An, ông K, ông H: Bà Võ Thị L, sinh năm: 1965 và ông Nguyễn Ngọc T, sinh năm: 1964 là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 18/10/2019). *(có mặt)*

5. Ủy ban nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo pháp luật: ông Võ Văn U- Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện M.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Văn N- Phó Chánh văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân huyện. *(có đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 09/11/2019).*

6. Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo pháp luật: ông Nguyễn Văn C – Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Nguyễn Hữu T – Phó giám đốc Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện M. *(có đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 04/11/2019)*

- *Người kháng cáo:* nguyên đơn bà Nguyễn Thị V.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 15/5/2018, đơn khởi kiện bổ sung đề ngày 19/02/2019 và bản khai của bà Nguyễn Thị V cũng như tại phiên tòa sơ thẩm ông Nguyễn Văn A là đại diện theo ủy quyền của bà V trình bày:

Ông yêu cầu bà O, bà L, ông T, bà T1, chị A, anh K, anh H trả lại cho bà V phần đất có diện tích 315,2m² thuộc thửa 302B, tờ bản đồ số 5 đồng thời yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho bà Nguyễn Thị O và bà Trần Thị T1; hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa hộ bà O và bà Thu. Vì phần đất này có nguồn gốc của bà T2 (là mẹ của bà V và bà O) cho bà V. Sau khi bà T2 chết thì bà V là người quản lý, sử dụng và nộp thuế nông nghiệp từ năm 1995 đến năm 2003, phần đất của bà T2 lúc này đã có 300m² đất thổ cư. Sau đó, bà O tự ý tách phần đất tranh chấp có diện tích 428m² nên bà O được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, cất nhà và quản lý sử dụng đến năm 2016 thì chuyển nhượng cho bà Trần Thị T1. Vào năm 2003 khi biết mình bị mất đất thì bà V có khiếu nại đến UBND xã A nhưng không được giải quyết. Đến năm 2008 bà O cất nhà kiên cố diện tích gần 200m² bà V biết nhưng không có ngăn cản vì bà nói với bà O là chỉ cho cất nhà để ở chứ không được bán. Đến đầu năm 2015 bà V nộp đơn khiếu nại đến UBND huyện M khiếu nại đòi lại 300m² đất thổ cư từ bà O nhưng vẫn không được giải quyết. Đến tháng 3 năm 2016 bà V nộp đơn tại UBND xã A để yêu cầu giải quyết tranh chấp quyền sử dụng đất, UBND xã A tiến hành hòa giải 02 lần nhưng không thành và đề nghị chuyển hồ sơ đến TAND huyện M để giải quyết. Phía bà L và UBND huyện M cho rằng năm 1994 bà O đã đăng ký kê khai trong sổ địa chính phần đất này là không phù hợp bởi lẽ phần đất này là của bà T2, nhưng lúc này bà T2 còn sống thì bà O không thể đăng ký khi chưa có ý kiến của bà T2. Phần đất đang tranh chấp nhưng Sở Tài nguyên và Môi trường cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Thu vào năm 2016 là không đúng quy định của Luật Đất đai năm 2013. Phía bà V có nhận được thông báo của UBND xã A về việc giải quyết hồ sơ xin đăng ký biến động Quyền sử dụng đất nhưng thời hạn chỉ có 15 ngày nên bà V không thể nộp đơn tại TAND huyện M được.

Tại bản khai, biên hòa giải cũng như tại phiên tòa hôm nay bị đơn bà Võ Thị L đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị O, ông Nguyễn Ngọc T, chị Nguyễn Thị Thúy A, anh Nguyễn Minh K, anh Nguyễn Minh H trình bày:

Nguồn gốc phần đất tranh chấp ban đầu diện tích gần 2000m² là của bà T2 nhưng bà O là người quản lý thể hiện là vào năm 1994 trong sổ mục kê của UBND xã A có tên bà O đăng ký kê khai. Đến năm 2004 các chị em của bà O đồng ý tách thửa phần đất nêu trên. Bà O nhận thửa đất với diện tích là 428m², phần còn lại tách cho bà V diện tích 1.118m². Lúc này bà V và bà O đều được

cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng bà V không có khiếu nại. Khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì đất của bà V và bà O đều là đất nông nghiệp, không có đất thổ cư. Đến năm 2008 bà O làm thủ tục xin chuyển đổi mục đích sử dụng từ đất nông nghiệp sang đất ở nông thôn và đã được UBND huyện đồng ý chuyển đổi và có ghi chú trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà O về việc biến động đất đai. Khi bà O làm thủ tục tách thửa để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì có sự đồng ý, thống nhất của các chị em của bà O và đã ký vào các biên bản giáp ranh và có sơ đồ thửa đất cụ thể. Năm 2013, bà V tranh chấp đã được hòa giải thành tại UBND xã A vào năm 2016. Sau đó bà O làm thủ tục chuyển quyền sử dụng đất cho bà Thu. Bà Thu được Sở Tài nguyên và Môi trường cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là đúng quy định pháp luật. Căn nhà trên đất của bà O đã có từ trước năm 1975, đến năm 2008 bà O cất nhà kiên cố nhưng bà V cũng không có ý kiến hay ngăn cản gì. Bà V là người đứng ra vay tiền dùm bà O và bà V là người trực tiếp đi vay tiền về đưa cho bà O chứ không có việc bà O mượn giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà V để vay tiền và cất 300m² đất thổ cư. Do đó phía bị đơn không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại bản khai, biên bản hòa giải cũng như tại phiên tòa sơ thẩm người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị T1 trình bày:

Phần đất bà mua của bà O là hợp pháp và đã được Sở Tài nguyên và Môi trường cấp giấy chứng nhận là đúng quy định pháp luật nên bà không đồng ý yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà V. Bà là người quản lý nhà và đất từ năm 2016 cho đến nay nhưng bà không có sửa chữa hay tu bổ gì thêm. Trường hợp Tòa án xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì bà không có yêu cầu gì đối với bà O, ông T, bà L, anh H, anh Kh và chị A, bà sẽ tự thỏa thuận khi bản án đã có hiệu lực pháp luật.

Tại bản khai, biên bản hòa giải người đại diện hợp pháp của Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Bến Tre là ông Nguyễn Hữu T trình bày:

Ngày 27/6/2016 Sở Tài nguyên và Môi trường ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Trần Thị T1 thuộc thửa số 302, tờ bản đồ số 5, diện tích 389,4m² tọa lạc tại xã A, huyện M, tỉnh Bến Tre là phù hợp theo quy định tại Điều 79 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 và Quyết định 900/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre ngày 20/5/2015; Việc ông A cho rằng phần đất đang tranh chấp nhưng cấp quyền sử dụng cho bà Thu là không có cơ sở vì UBND xã A có thông báo cho bà V về việc giải quyết hồ sơ đăng ký biến động Quyền sử dụng đất nhưng bà V không thực hiện theo đúng thời gian đã thông báo nên UBND xã A xác nhận phần đất này đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Trần Thị T1.

Tại bản tự khai, biên bản hòa giải người đại diện hợp pháp của Ủy ban nhân dân huyện M là ông Nguyễn Văn N trình bày:

Qua kiểm tra thấy rằng vào năm 1994 thì bà Nguyễn Thị O đã đăng ký kê khai phần đất thuộc thửa 51 diện tích là 1.840m². Sau đó, bà V và bà O đã thống nhất tách thửa đất theo phần đất mà thực tế hai bà đang quản lý sử dụng. Bà V và bà O đã được UBND huyện Mỏ Cày cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không có ai tranh chấp hay khiếu nại gì. Khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hai bà thì cả hai phần đất đều là đất nông nghiệp, không có đất thổ cư. Đến năm 2008, bà O khiếu nại và yêu cầu chuyển đổi mục đích sử dụng đất từ đất nông nghiệp sang đất ở nông thôn (đất thổ cư) và đã được UBND huyện Mỏ Cày chuyển đổi mục đích sử dụng nên lúc này bà O đã được 300m² đất thổ cư. Việc bà O đăng ký trong sổ địa chính là do có xác nhận bà O là người nộp thuế nông nghiệp từ năm 1992 đến năm 2008. Năm 2015 bà V có gửi đơn khiếu nại đến UBND huyện M về việc khiếu nại mất đất thổ cư và đã được UBND huyện giải thích nếu bà chưa được cấp đất thổ cư mà trên phần đất của bà đã có căn nhà cất trước ngày 15/10/1993 thì bà làm đơn đề nghị UBND huyện xem xét để được chuyển đổi mục đích sử dụng đất từ đất nông nghiệp sang đất ở nông thôn như bà O nhưng bà V không đồng ý. Vào năm 2008, khi bà O khiếu nại yêu cầu chuyển đổi mục đích sử dụng đất từ đất nông nghiệp sang đất ở nông thôn có sự chứng kiến của bà V. Việc bà V yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của UBND huyện M là không có căn cứ và hiện tại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này đã bị thu hồi lý do phần đất này đã cấp quyền sử dụng cho bà Thu.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 42/2019/DS-ST ngày 26 tháng 7 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện M đã quyết định như sau:

Áp dụng khoản 3 và khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, Điều 68, khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ Điều 182, Điều 185, Điều 186, Điều 189, Điều 190, Điều 192, Điều 194, Điều 221, Điều 223, Điều 500, Điều 501, Điều 502 và Điều 503 Bộ luật Dân sự 2015; Áp dụng Điều 166, 202, 203 Luật đất đai năm 2013; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị V về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị O, bà Võ Thị L, ông Nguyễn Ngọc T, bà Trần Thị T1, anh Nguyễn Minh H, anh Nguyễn Minh K và chị Nguyễn Thị Thúy A trả lại phần đất qua đo đạc thực tế diện tích 315,2m² thuộc thửa số 302B tờ bản đồ số 5 tọa lạc tại ấp V, huyện M, tỉnh Bến Tre.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị V về việc yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 03172 cấp cho hộ bà Nguyễn Thị O ngày 21/5/2004 và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS05936 cấp cho bà Trần Thị T1 ngày 27/6/2016.

3. Không chấp nhận yêu cầu của bà V về việc yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 25/4/2016 giữa hộ bà Nguyễn Thị O và bà Trần Thị T1.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng, quyền kháng cáo bản án, quyền yêu cầu thi hành án của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 08/8/2019, nguyên đơn bà Nguyễn Thị V kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm số 42/2019/DS-ST ngày 26 tháng 7 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện M, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm người đại diện hợp pháp của nguyên đơn bà Nguyễn Thị V vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các bên đương sự không thỏa thuận được về việc giải quyết vụ án.

Người bảo vệ quyền và lợi ích cho bị đơn trình bày: Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị V. Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 42/2019/DS-ST ngày 26 tháng 7 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện M.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về tố tụng: Người tham gia tố tụng, người tiến hành tố tụng đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự; về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị V. Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 42/2019/DS-ST ngày 26 tháng 7 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện M.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Phần đất tranh chấp có diện tích qua đo đạc thực tế 315,2m² thuộc một phần thửa 302 (thửa 302B), tờ bản đồ số 5, tọa lạc tại ấp V, xã A, huyện M, tỉnh Bến Tre đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thị O. Năm 2016, hộ bà O đã lập hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng phần đất

trên cho bà Trần Thị T1. Nguyên đơn bà Nguyễn Thị V và bị đơn bà Nguyễn Thị O đều thống nhất nguồn gốc đất là của mẹ hai bà là bà T2 để lại. Trên phần đất này hộ bà O đã cất nhà ở từ năm 1975. Nguyên đơn bà Nguyễn Thị V cho rằng phần đất tranh chấp do bà T2 cho bà V quản lý sử dụng. Sau khi bà T2 chết, bà V là người nộp thuế và quản lý sử dụng nhưng bà không cung cấp được chứng cứ chứng minh được bà T2 cho đất còn chứng cứ chứng minh cho việc nộp thuế của của bà V là giấy xác nhận ngày 30/5/2019. Tuy nhiên, theo giấy xác nhận này ông Nguyễn Văn Rê chỉ xác nhận hộ bà Nguyễn Thị T2 đã từng đóng thuế và xác nhận của ông Nguyễn Thái Hòa là bà V có đóng thuế nhưng sổ mục kê của UBND xã do bà Nguyễn Thị O đứng tên kê khai nên lời xác nhận này không có cơ sở. Bị đơn bà Nguyễn Thị O cho rằng nguồn gốc đất ban đầu của bà T2 nhưng bà là người quản lý, thể hiện vào năm 1994 bà là người đăng ký kê khai và đứng tên trong sổ mục kê của UBND xã A. Năm 2004 các chị em của bà đồng ý tách thửa đất gần 2000m². Bà V được Ủy ban nhân dân huyện M cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất diện tích 1198m², thuộc thửa số 51, tờ bản đồ số 1. Đồng thời, bà O cũng được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất phần đất diện tích 428m² nhưng không ai có ý kiến hay khiếu nại gì. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp lần đầu cho bà V và bà O đều thể hiện đất được cấp quyền sử dụng là đất nông nghiệp. Đến năm 2008, bà O làm thủ tục xin chuyển đổi mục đích sử dụng từ đất nông nghiệp sang đất ở nông thôn. Theo xác nhận ngày 07/5/2008 thể hiện bà V có ký tên xác nhận bà O đã ở trên đất này từ năm 1975; Ủy ban nhân dân xã A xác nhận bà O có nộp thuế nhà đất từ năm 1992 đến năm 2008 diện tích 300m² đất ở. UBND huyện đồng ý chuyển đổi, có ghi chú trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà O về việc biến động đất đai. Gia đình bà O đã quản lý sử dụng đất, cất nhà từ năm 1975. Đến năm 2008 cất nhà kiên cố nhưng phía bà V cũng không có ý kiến tranh chấp gì. Năm 2012, bà V có đơn yêu cầu gửi Ủy ban nhân dân huyện M đề nghị cấp lại, cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất bà cũng chỉ yêu cầu cấp đổi phần đất diện tích 1198m². Hồ sơ có kèm theo bản mô tả chi tiết mốc giới, ranh giới thửa đất và có chữ ký của bà V, bà O. Vì vậy, Tòa cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị O, bà Võ Thị L, ông Nguyễn Ngọc T, bà Trần Thị T1, anh Nguyễn Minh H, anh Nguyễn Minh K và chị Nguyễn Thị Thúy A trả lại phần đất qua đo đạc thực tế diện tích 315,2m² thuộc thửa số 302B tờ bản đồ số 5 tọa lạc tại ấp V, huyện M, tỉnh Bến Tre; không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị V về việc yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 03172 cấp cho hộ bà Nguyễn Thị O ngày 21/5/2004 là phù hợp.

[2] Đối với hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà Nguyễn Thị O, bà Võ Thị L, ông Nguyễn Ngọc T, chị Nguyễn Thị Thúy A, anh Nguyễn Minh H và anh Nguyễn Minh K đối với bà Trần Thị T1 là đúng theo quy định của pháp luật vì hộ bà O đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 2004 nên vào năm 2016 hộ bà O lập hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho bà Thu. Tòa cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị V về việc yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 25/4/2016 giữa hộ bà Nguyễn Thị O và bà Trần Thị T1; Không chấp nhận yêu cầu của bà V về việc yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS05936 cấp cho bà Trần Thị T1 ngày 27/6/2016 là phù hợp.

Từ những nhận định trên, không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị V, giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 42/2019/DS-ST ngày 26 tháng 7 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện M. Đề nghị của Kiểm sát viên là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Theo quy định tại Điều 29; điểm đ, khoản 1, Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội; bà V phải chịu án phí số tiền 300.000 đồng. Tuy nhiên, bà là người cao tuổi nên được miễn án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị V;

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 42/2019/DS-ST ngày 26 tháng 7 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện M.

Cụ thể tuyên:

Căn cứ Điều 182, Điều 185, Điều 186, Điều 189, Điều 190, Điều 192, Điều 194, Điều 221, Điều 223, Điều 500, Điều 501, Điều 502 và Điều 503 Bộ luật Dân sự 2015; Áp dụng Điều 166, 202, 203 Luật đất đai năm 2013; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị V về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị O, bà Võ Thị L, ông Nguyễn Ngọc T, bà Trần Thị T1, anh Nguyễn Minh H, anh Nguyễn Minh K và chị Nguyễn Thị Thúy A trả lại phần

đất qua đo đạc thực tế diện tích 315,2m² thuộc thửa số 302B, tờ bản đồ số 5, tọa lạc tại ấp V, huyện M, tỉnh Bến Tre.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị V về việc yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 03172 cấp cho hộ bà Nguyễn Thị O ngày 21/5/2004 và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS05936 cấp cho bà Trần Thị T1 ngày 27/6/2016.

3. Không chấp nhận yêu cầu của bà V về việc yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 25/4/2016 giữa hộ bà Nguyễn Thị O và bà Trần Thị T1.

4. Chi phí thu thập chứng cứ: bà Nguyễn Thị V phải chịu 2.038.000đồng (hai triệu không T2 ba mươi tám ngàn đồng) và đã nộp xong.

5. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị V được miễn. Hoàn lại cho bà V tạm ứng án phí đã nộp số tiền 900.000đồng (chín T2 ngàn đồng) theo biên lai thu số 0016585 và biên lai thu số 0016586 cùng ngày 08/6/2018; biên lai thu số 0021975 ngày 19/02/2019 của Chi cục Thi hành án huyện M.

6. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị V được miễn

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bến Tre;
- TAND huyện M;
- Chi cục THADS huyện M;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thế Hồng

